

Số: 162/2025/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 29 tháng 12 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HƯNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 241/2025/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Dương Văn T**, sinh năm 1982; Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn L, xã V, tỉnh Hưng Yên.

- **Chị Lê Thị Thu H**, sinh năm 1981; Đăng ký HKTT: Khu Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Ninh. Hiện trú tại: Ki ốt KM9, chợ T1, xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và lời khai của các đương sự trình bày: Anh Dương Văn T và chị Lê Thị Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên nay là xã V, tỉnh Hưng Yên vào ngày 08/10/2009. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh T, chị H tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, anh T, chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chung sống với nhau một thời gian dài nhưng vẫn không có con dù đã cố gắng chạy chữa khắp nơi. Việc không có con chung dẫn đến hai bên đều áp lực, cuộc sống vợ chồng không có sự gắn kết, không thấy có tương lai nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2022. Nay hai bên đều không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T, chị H thống nhất làm đơn yêu cầu TAND khu vực 3 – Hưng Yên công nhận thuận tình ly hôn.

Tòa án đã mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành vì anh T, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, yêu cầu thuận tình ly hôn của các đương sự là có căn cứ, tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. **Về con chung:** Anh T, chị H đều khẳng định vợ chồng không có con chung, không có con nuôi, chị H hiện không mang thai.

[3]. *Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình*: Anh T, chị H đã được thẩm phán giải thích quyền, nghĩa vụ của anh chị theo quy định của pháp luật nhưng cả hai anh chị đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không có ruộng đất nông nghiệp liên quan, không xây dựng đóng góp được gì cho hai bên gia đình nên không đề nghị tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] *Về lệ phí*: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí về việc giải quyết việc dân sự và được chị H nhất trí.

Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 19/12/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Dương Văn T và chị Lê Thị Thu H đều tự nguyện nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình*: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T tự nguyện nhận nộp cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự và được chị H nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0004015, ngày 15/12/2024, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thì anh T đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thị Thu Hương